

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 222/2026/DS-ST

Ngày: 07 - 5 - 2026

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Lực;

2. Bà Châu Hồng Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Uyên, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 824/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 205/2026/QĐST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Thanh T, sinh năm 1982; thường trú: A239D khu phố B, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ, sinh năm 1990; thường trú: Số C, tổ A, khu phố Đ, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt,

- Người làm chứng: Ông Nguyễn Thành T1, sinh năm 1981; thường trú: Số D khu phố H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo khởi kiện ngày 27/10/2025 lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Huỳnh Thanh T trình bày:

Ông Huỳnh Thanh T và bà Nguyễn Thị Ngọc Đ có mối quan hệ quen biết. Vào ngày 21/8/2025, tại “*quán cà phê Điểm H*”, ông T đã cho bà Đ vay số tiền

400.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng, kể từ ngày 21/8/2025 đến ngày 21/9/2025. Việc vay tiền được lập thành giấy vay tiền và có ông Nguyễn Thành T1 ký xác nhận với tư cách người làm chứng. Khi đến hạn thanh toán, bà Đ chưa có khả trả lại số tiền đã vay nên đề nghị ông T gia hạn thêm 01 tháng. Do đó, ngày 22/9/2025, tại quán C, bà Nguyễn Thị Ngọc Đ tiếp tục ký giấy xác nhận nợ đối với số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn trả nợ được gia hạn thêm 01 tháng, từ ngày 22/9/2025 đến ngày 23/10/2025. Ông T xác định ông chỉ giao tiền cho bà Đ duy nhất 01 lần vào ngày 21/8/2025 với số tiền 400.000.000 đồng; giấy vay tiền lập ngày 22/9/2025 chỉ nhằm xác nhận lại khoản nợ đã vay trước đó và việc gia hạn thời gian thanh toán, không phát sinh thêm khoản vay mới. Việc lập giấy xác nhận nợ ngày 22/9/2025 cũng có sự chứng kiến và xác nhận của ông Nguyễn Thành T1 với tư cách người làm chứng. Mặc dù đã hết thời hạn gia hạn trả nợ, bà Nguyễn Thị Ngọc Đ vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả lại số tiền đã vay cho ông T.

Nay ông Huỳnh Thanh T yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh buộc Nguyễn Thị Ngọc Đ trả lại cho bà số tiền đã nhận là 400.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Đ: Đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện do nguyên đơn cung cấp và yêu cầu bà Đ có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đ không có ý kiến gì và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người làm chứng ông Nguyễn Thành T1 trình bày: Ông có mối quan hệ quen biết với bà Nguyễn Thị Ngọc Đ và ông Huỳnh Thanh T do cả ba đều là bạn bè ngoài xã hội, cùng làm nghề môi giới bất động sản. Vào ngày 21/8/2025, bà Đ gọi điện nhờ ông đến quán cà phê Điểm H, thuộc khu phố H, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi có mặt tại đây, ông trực tiếp chứng kiến ông Huỳnh Thanh T giao cho bà Nguyễn Thị Ngọc Đ số tiền 400.000.000 đồng. Đối với nội dung thỏa thuận về lãi suất giữa hai bên, ông không được biết. Tại thời điểm này, ông T đã chuẩn bị sẵn giấy mượn tiền; ông thấy bà Đ ký tên, lăn tay xác nhận vào giấy vay, sau đó ông T và ông cùng ký tên, lăn tay với tư cách người làm chứng. Đến ngày 22/9/2025, ông T tiếp tục gọi ông đến quán C. Tại đây, ông được biết bà Đ xin ông T gia hạn thời gian thanh toán khoản nợ thêm 01 tháng. Sau khi hai bên thống nhất, bà Đ và ông T lập giấy xác nhận nợ, xác nhận bà Đ còn nợ ông T số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn thanh toán từ ngày 22/9/2025 đến ngày 23/10/2025.

Ông xác định tại thời điểm ngày 22/9/2025, ông T không giao thêm bất kỳ khoản tiền nào cho bà Đ; việc lập giấy ngày 22/9/2025 chỉ nhằm xác nhận lại khoản nợ đã vay trước đó và gia hạn thời gian thanh toán thêm 01 tháng. Do trước đó ông đã ký xác nhận làm chứng vào giấy vay ngày 21/8/2025 nên tại buổi làm việc ngày 22/9/2025, ông tiếp tục ký tên và lăn tay với tư cách người làm chứng. Ông Nguyễn Thành T1 khẳng định việc ông ký tên, lăn tay trong các giấy tờ nêu trên chỉ với tư cách người làm chứng, không có quyền lợi, nghĩa vụ hay liên quan gì đến khoản vay giữa ông Huỳnh Thanh T và bà Nguyễn Thị Ngọc Đ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nguyên đơn vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy Tòa án căn cứ Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đại diện nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định. Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án thông báo tham gia phiên tòa vào các ngày 13/4/2026 và ngày 07/5/2026 nhưng đều vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn, người làm chứng và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, có đủ cơ sở xác định giữa ông Huỳnh Thanh T và bà Nguyễn Thị Ngọc Đ có xác lập quan hệ vay tài sản. Cụ thể, ngày 21/8/2025, bà Đ có vay của ông T số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, từ ngày 21/8/2025 đến ngày 21/9/2025. Việc vay tiền được các bên lập thành giấy vay tiền, có chữ ký, điểm chỉ của bà Đ và có ông Nguyễn Thành T1 ký xác nhận với tư cách người làm chứng. Khi đến hạn thanh toán, do bà Đ chưa có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên đã đề nghị ông T gia hạn thêm thời gian thanh toán. Trên cơ sở thỏa thuận của các bên, ngày 22/9/2025, bà Đ tiếp tục ký giấy xác nhận nợ đối với số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn thanh toán từ ngày 22/9/2025 đến ngày 23/10/2025. Qua lời trình bày thống nhất của nguyên đơn và người làm chứng ông Nguyễn Thành T1, có căn cứ xác định ông T chỉ giao tiền cho bà Đ duy nhất 01 lần vào ngày 21/8/2025; giấy xác nhận nợ ngày 22/9/2025 chỉ nhằm xác nhận lại khoản nợ đã vay trước đó và gia hạn thời gian thanh toán, không làm phát sinh khoản vay mới. Nội dung này phù hợp với lời khai của người làm chứng ông Nguyễn Thành T1, là người trực tiếp chứng kiến việc giao nhận tiền ngày 21/8/2025 cũng như việc các bên lập giấy xác nhận nợ ngày 22/9/2025.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ... nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do đồng thời không cung cấp văn bản thể hiện việc phản đối yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc*

không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”.

Bị đơn có quyền đưa ra các chứng cứ để chấp nhận hoặc bác bỏ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn không thực hiện xem như từ bỏ quyền chứng minh của mình.

Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Đ phải trả lại số tiền đã nhận 400.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Đối với tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền ông Huỳnh Thanh T xác định không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy vụ Q quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 92, 147, 238, 229, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 280, 357, 463, 466, 468 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 2 và Điều 13 quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Thanh T với bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Đ về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

- Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc Đ trả lại cho ông Huỳnh Thanh T số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ phải chịu 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Thi hành án dân sự phổ H1 trả lại cho ông Huỳnh Thanh T số tiền 10.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số:0035290 ngày 05/11/2025 của Thi hành án dân sự phổ H.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16;
- Phòng THADS khu vực 16;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà

